

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 41
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà xuất bản Giáo dục.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà Văn phòng HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Trần Ái	Chủ tịch danh dự
Ông Mạc Văn Thiện	Chủ tịch
Ông Vũ Bá Khánh	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Như Hà	Thành viên
Bà Dương Thị Việt Hà	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Bá Khánh	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Như Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Hồng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát của công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Đỗ Thị Phương	Trưởng ban
Bà Phí Ngọc Uyên	Thành viên
Ông Phạm Văn Cẩn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
Địa chỉ: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Giám đốc

Vũ Bá Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2014

Số: 551 /2014/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 21/03/2014, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây (là Công ty liên kết của Công ty) đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ với giá trị tài sản thuần tại ngày mua được xác định căn cứ theo Bảng cân đối kế toán đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2013. Tuy nhiên, Báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên khác đã đưa ý kiến về việc không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán để xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của một số khoản nợ phải thu với số tiền: 7,62 tỷ VND, nợ phải trả là: 3,29 tỷ VND và hàng gửi bán là: 4,07 tỷ VND của Công ty liên kết này tại thời điểm 31/12/2013. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, với các thủ tục đã thực hiện, chúng tôi cũng không thể thu thập được các bằng chứng bổ sung liên quan đến các khoản nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với việc xác định giá trị tài sản thuần của Công ty liên kết tại ngày mua cũng như ảnh hưởng của vấn đề tới Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Ngọc Lân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1427-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ TÀI SẢN số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 (Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	177.047.177.768	180.209.270.802
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	22.745.846.170	22.723.397.633
111	1. Tiền	9.745.846.170	3.723.397.633
112	2. Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	19.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	8.989.900	19.711.500
121	1. Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	118.776.400
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(109.786.500)	(99.064.900)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	62.262.573.595	47.210.251.976
131	1. Phải thu khách hàng	37.143.661.851	34.750.128.423
132	2. Trả trước cho người bán	24.683.932.340	12.004.036.486
135	3. Các khoản phải thu khác	5.509.633.742	5.401.407.580
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.074.654.338)	(4.945.320.513)
140	IV. Hàng tồn kho	75.283.250.597	97.324.354.926
141	1. Hàng tồn kho	81.778.417.598	103.711.504.773
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.495.167.001)	(6.387.149.847)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	16.746.517.506	12.931.554.767
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15.405.049.896	7.283.988.512
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	856.330.110	1.819.805.787
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7.843.000	3.689.181.468
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	477.294.500	138.579.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

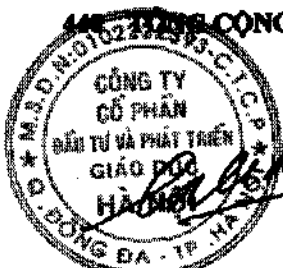
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		122.434.377.728	119.366.204.712
220	I. Tài sản cố định		3.345.598.227	3.600.300.582
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	920.648.227	1.576.350.582
222	- Nguyên giá		3.742.595.211	5.200.575.939
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.821.946.984)	(3.624.225.357)
230	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	2.424.950.000	2.023.950.000
240	II. Bất động sản đầu tư	12	81.137.643.218	84.627.434.318
241	- Nguyên giá		87.244.777.643	87.244.777.643
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.107.134.425)	(2.617.343.325)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	16.626.169.961	7.750.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		11.876.169.961	-
258	2. Đầu tư dài hạn khác		4.750.000.000	7.750.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		175.172.667	87.200.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	135.372.667	-
268	2. Tài sản dài hạn khác		39.800.000	87.200.000
269	V. Lợi thế thương mại	15	21.149.793.655	23.301.269.812
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		299.481.555.496	299.575.475.514

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		99.537.085.392	99.185.603.929
310	I. Nợ ngắn hạn		87.731.561.847	77.804.748.959
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	16	54.425.076.734	40.379.025.896
312	2. Phải trả người bán		23.410.631.577	15.120.882.282
313	3. Người mua trả tiền trước		682.021.267	2.272.469.424
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	703.285.843	605.795.394
315	5. Phải trả người lao động		3.888.726.873	2.736.194.536
316	6. Chi phí phải trả	18	2.656.004.108	5.249.032.731
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	19	1.595.019.691	10.869.952.162
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		370.795.754	571.396.534
330	II. Nợ dài hạn		11.805.523.545	21.380.854.970
333	1. Phải trả dài hạn khác		1.652.509.000	1.222.026.000
334	2. Vay và nợ dài hạn	20	10.000.000.000	20.000.000.000
338	3. Doanh thu chưa thực hiện		153.014.545	158.828.970
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		199.944.470.104	200.389.871.585
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	199.944.470.104	200.389.871.585
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		24.166.950	24.166.950
414	3. Cổ phiếu quỹ		(3.200.876.950)	(3.200.876.950)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		7.062.829.000	4.118.859.101
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		13.721.825.214	10.595.660.942
419	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		7.166.600.347	5.603.518.211
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		25.169.925.543	33.248.543.331
439	C. LỢI ÍCH CÒ ĐỒNG THIỂU SỐ		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			299.481.555.496	299.575.475.514



Vũ Bá Khánh
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2014

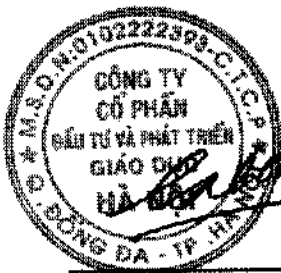
Dương Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	386.424.640.515	327.031.381.415
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	4.867.500.726	4.724.115.495
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	381.557.139.789	322.307.265.920
11	4. Giá vốn hàng bán	25	295.120.679.051	237.163.458.343
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		86.436.460.738	85.143.807.577
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	1.051.146.087	1.982.901.243
22	7. Chi phí tài chính	27	9.649.615.220	11.469.755.914
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.424.933.333	9.486.279.878
24	8. Chi phí bán hàng	28	28.621.793.623	22.041.417.803
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	17.486.882.797	17.141.144.303
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		31.729.315.185	36.474.390.800
31	11. Thu nhập khác	30	10.199.093.743	841.603.165
32	12. Chi phí khác	31	5.363.277.240	1.017.347.694
40	13. Lợi nhuận khác		4.835.816.503	(175.744.529)
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		-	-
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		36.565.131.688	36.298.646.271
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	4.992.306.761	3.050.102.940
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>31.572.824.927</u>	<u>33.248.543.331</u>
62	17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		31.572.824.927	33.248.543.331
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	2.167	2.279



Vũ Bá Khánh
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2014

Dương Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		320.135.482.163	324.156.360.095
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(258.895.458.966)	(240.217.763.090)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(17.696.491.068)	(15.350.072.194)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(7.451.859.030)	(9.349.570.661)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.139.078.732)	(13.020.750.290)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.563.168.817	10.726.091.112
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.570.167.845)	(6.404.648.322)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>32.945.595.339</i>	<i>50.539.646.650</i>
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.494.863.727)	(103.908.181)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(9.500.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	12.755.260.208
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(9.243.750.000)	(126.000.000.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	80.892.179
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.098.396.087	1.837.988.516
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(9.640.217.640)</i>	<i>(120.929.767.278)</i>
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	224.500.000
33	2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		199.703.587.219	245.254.972.836
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(195.657.536.381)	(184.875.946.940)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(27.328.980.000)	(13.803.900.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(23.282.929.162)</i>	<i>46.799.625.896</i>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		22.448.537	(23.590.494.732)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		22.723.397.633	46.313.892.365
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>22.745.846.170</u>	<u>22.723.397.633</u>



Vũ Bá Khánh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2014

Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà xuất bản Giáo dục.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Văn phòng HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 150.000.000.000 VND; Tương đương 15.000.000 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2013 bao gồm :

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản

Công ty có công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2013 bao gồm :

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Hà Nội	40,24%	40,24%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

Thông tin bổ sung về công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 13.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 3 số 0102222393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 20/09/2010, hoạt động chính của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- In và các dịch vụ liên quan đến in;
- In và phát hành bộ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồ dùng phục vụ học sinh và lịch các loại;
- Dịch vụ tư vấn, đầu tư, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, tư vấn du học, lập dự án đào tạo;
- Khai thác, cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, khu đô thị;

- Quản lý, vận hành công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, khu đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại (không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2013, Công ty thực hiện đấu thầu và ký hợp đồng với các nhà in (trong tháng 11) sớm hơn các năm trước đây (thường là tháng 12). Do vậy, các loại sách cũng được Công ty TNHH Một Thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam cấp Giấy phép xuất bản và tính phí quản lý xuất bản (Xem thêm tại Thuyết minh 7) trong tháng 12 trong khi các năm trước đây phí quản lý xuất bản thường được ghi nhận vào năm tiếp theo.

Các hợp đồng thầu in thường có điều khoản Công ty phải trả trước giấy in cho các Nhà in số lượng bằng khoảng 80% giá trị giấy in ruột. Việc ứng giấy in được thông qua hợp đồng mua Bán giấy in mà Công ty là nhà cung cấp. Năm 2013 theo các hợp đồng thầu in nêu trên, Công ty đã thực hiện ứng (bán) vật tư cho các Nhà in (tập trung vào tháng 12) sớm hơn các năm trước đây (thường là tháng 1 năm sau). Điều này dẫn tới Doanh thu bán vật tư (Xem tại Thuyết minh 22) trong năm 2013 và số dư khoản mục Trả trước cho người bán (trên Bảng cân đối kế toán) tại 31/12/2013 tăng mạnh so với năm 2012 và thời điểm 31/12/2012.

Ngoài ra, trong năm 2013 Công ty thực hiện thay đổi sang hình thức in đấu thầu đối với một số các hợp đồng trước đây áp dụng hình thức in gia công là chủ yếu. Điều này dẫn tới giá trị vật tư cấp cho các nhà in (Xem tại Thuyết minh 6) tại thời điểm 31/12/2013 thấp hơn đáng kể so với thời điểm 31/12/2012.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc

Kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Do Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây (là Công ty liên kết của Công ty) không được lập tại thời điểm Công ty có ảnh hưởng đáng kể (tại ngày mua) là ngày 16/12/2013. Bên cạnh đó, các giao dịch phát sinh trong giai đoạn từ ngày 17/12/2013 đến ngày 31/12/2013 tại Công ty này đều không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Do đó, việc hợp nhất theo phương pháp vốn chủ được thực hiện tại thời điểm 31/12/2013, căn cứ theo Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán.

2.5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

2.6. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba (03) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Đối với hoạt động kinh doanh sách thì chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công; Đối với hoạt động xây dựng thì chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 12 - 25 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
Địa chỉ: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Từ tháng 6/2013, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể: Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu VND. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước ngắn hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 01 năm tài chính.

2.11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 12 - 25 năm

2.12. Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khác.

2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian dài dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.14. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ tăng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Riêng thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo giá trị vật tư, thành phẩm, hàng hóa và dở dang còn tồn tại thời điểm cuối kỳ kế toán.

2.15. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh bởi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng

hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

Theo hướng dẫn của Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 thì phần thu nhập của Công ty có được từ hoạt động xuất bán theo quy định của Luật Xuất bán sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động. Đồng thời, tại Công văn số 6833/BTC-CST ngày 29/05/2013 của Bộ Tài chính về thuế TNDN đối với hoạt động xuất bán theo quy định của Luật Xuất bán thì các đơn vị thành viên của Công ty TNHH Một Thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam có thu nhập từ hoạt động xuất bán theo quy định của Luật Xuất bán bằng việc thực hiện các công đoạn hoặc từng công đoạn của hoạt động xuất bán thì khoản thu nhập này được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10%. Doanh nghiệp phải thực hiện hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động xuất bán được áp dụng thuế suất thuế 10% nêu trên.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	430.381.856	187.528.215
Tiền gửi ngân hàng	9.315.464.314	3.535.869.418
Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	19.000.000.000
	22.745.846.170	22.723.397.633

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	118.776.400	118.776.400
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(109.786.500)	(99.064.900)
	8.989.900	19.711.500

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
		VND		VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		118.776.400		118.776.400
- LSS	625	21.500.000	625	21.500.000
- QNC	8	276.400	8	276.400
- PHH	800	22.400.000	800	22.400.000
- STL	1.500	74.600.000	1.500	74.600.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(109.786.500)		(99.064.900)
		8.989.900		19.711.500

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu khác	5.509.633.742	5.401.407.580
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	14.500.000	61.750.000
- Phải thu Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí ⁽¹⁾	5.018.335.895	5.018.335.895
- Phải thu các đối tượng khác	476.797.847	321.321.685
	5.509.633.742	5.401.407.580

⁽¹⁾Theo cam kết tại Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công số 01/2012/HHTC-HĐCNV ngày 04/03/2012 và Biên bản thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí. Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí sẽ phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản công nợ, nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác với các bên thứ 3 phát sinh và có nguồn gốc phát sinh tại Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công từ ngày 31/03/2012 trở về trước. Do đó, Công ty sẽ theo dõi các khoản công nợ phát sinh từ trước ngày 31/03/2012 trên mã công nợ của Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	40.970.008.271	48.130.129.547
Công cụ, dụng cụ	-	6.100.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ^[1]	6.981.771.441	20.443.709.065
Thành phẩm	19.328.108.488	18.864.154.017
Hàng hoá	12.680.691.607	12.350.699.947
Hàng gửi đi bán	1.817.837.791	3.916.712.197
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.495.167.001)	(6.387.149.847)
	75.283.250.597	97.324.354.926

^[1]Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị vật tư giấy đưa đi in gia công còn tồn tại các nhà in tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	7.283.988.512	11.007.738.775
Số tăng trong năm	37.674.433.667	17.747.390.980
Số đã kết chuyển trong năm	(29.553.372.283)	(21.471.141.243)
Số dư cuối năm	15.405.049.896	7.283.988.512

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ^[1]	4.255.777.825	5.494.072.865
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	16.000.613	286.392.192
Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	2.740.671.458	1.293.745.455
Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ ^[2]	8.392.600.000	209.778.000
	15.405.049.896	7.283.988.512

^[1]Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ căn cứ vào giá trị Nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa, giá trị dở dang tồn kho tại thời điểm 31/12/2013.

^[2]Trong đó, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của Công ty TNHH Một Thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong năm (Xem thêm tại Thuyết minh 1).

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.453.575.842
Thuế thu nhập cá nhân	-	227.762.626
Các khoản khác phải thu Nhà nước	7.843.000	7.843.000
	<u>7.843.000</u>	<u>3.689.181.468</u>

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng	175.779.000	138.579.000
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	301.515.500	-
	<u>477.294.500</u>	<u>138.579.000</u>

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.750.786.357	2.792.616.753	657.172.829	5.200.575.939
Số tăng trong kỳ	-	627.272.727	65.355.000	692.627.727
- Mua trong kỳ	-	627.272.727	65.355.000	692.627.727
Số giảm trong kỳ	(1.750.786.357)	-	(399.822.098)	(2.150.608.455)
- Thanh lý, nhượng bán	(1.750.786.357)	-	-	(1.750.786.357)
- Giảm do điều chỉnh theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC	-	-	(399.822.098)	(399.822.098)
Số dư cuối kỳ	-	3.419.889.480	322.705.731	3.742.595.211
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	875.093.169	2.209.232.987	539.899.201	3.624.225.357
Số tăng trong kỳ	133.694.792	384.760.780	59.012.742	577.468.314
- Khấu hao trong kỳ	133.694.792	384.760.780	59.012.742	577.468.314
Số giảm trong kỳ	(1.008.787.961)	-	(370.958.726)	(1.379.746.687)
- Thanh lý, nhượng bán	(1.008.787.961)	-	-	(1.008.787.961)
- Giảm do điều chỉnh theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC	-	-	(370.958.726)	(370.958.726)
Số dư cuối kỳ	-	1.593.993.767	227.953.217	2.821.946.984
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	875.693.188	583.383.766	117.273.628	1.576.350.582
Tại ngày cuối kỳ	-	825.895.713	94.752.514	920.648.227

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.918.505.588 VND.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án nhà kho tại Xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội ^[1]	2.124.950.000	1.723.950.000
- Dự án Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa ^[2]	300.000.000	300.000.000
	2.424.950.000	2.023.950.000

^[1] Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương - Huyện Đông Anh - TP Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan;
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 VND, trong đó: phần góp vốn của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 VND;
- Theo hợp đồng này Công ty đã thực hiện góp 90% số tiền theo yêu cầu của hợp đồng, tương ứng là 1.723.950.000 VND.

Trong năm 2013, Theo Biên bản họp ngày 06/06/2013 giữa 5 công ty trên đã thống nhất: Tiếp tục thực hiện Dự án và cùng nhau đóng góp kinh phí để thực hiện các giai đoạn còn lại của Dự án; Riêng phần tham gia đầu tư của Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục Hà Nội sẽ chuyển giao lại toàn bộ cho Công ty TNHH Một Thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; Đồng ý ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam để thực hiện dịch vụ xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép xây dựng cho Dự án. Sau khi ký kết Biên bản này, thực hiện theo các Công văn phân bổ kinh phí của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội, Công ty đã ứng tiếp số tiền thực hiện dự án là 401.000.000 VND. Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty đã góp số kinh phí để thực hiện dự án là 2.124.950.000 VND.

^[2] Theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội với Công ty TNHH Một Thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại Quận Cầu Giấy, Hà Nội thuộc Dự án "Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa".

12. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	87.244.777.643	87.244.777.643
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>87.244.777.643</u>	<u>87.244.777.643</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	2.617.343.325	2.617.343.325
Khấu hao trong năm	3.489.791.100	3.489.791.100
- <i>Khấu hao trong năm</i>	3.489.791.100	3.489.791.100
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>6.107.134.425</u>	<u>6.107.134.425</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	84.627.434.318	84.627.434.318
Tại ngày cuối năm	<u>81.137.643.218</u>	<u>81.137.643.218</u>

Giá trị còn lại cuối năm của BĐS đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 81.137.643.218 VND.

Bất động sản đầu tư là tòa nhà K3B Thành Công tại địa chỉ K3B ngõ 6A, phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội. Tài sản này được dùng làm tài sản đảm bảo khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 02-2012/HĐ TDHM-HEID ngày 20/04/2012 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và bên đi vay là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hà Nội.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	11.876.169.961	-
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây ^[1]	11.876.169.961	-
Đầu tư dài hạn khác	4.750.000.000	7.750.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục II	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Xuất bản Giáo dục Hà Nội	750.000.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây ^[1]	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tia Sáng mới	1.000.000.000	1.000.000.000
	<u>16.626.169.961</u>	<u>7.750.000.000</u>

^[1]Giá trị của khoản đầu tư vào công ty liên kết tại thời điểm 31/12/2013 nêu trên bao gồm: giá gốc của khoản đầu tư là 12.243.750.000 VND và giá trị điều chỉnh giảm do áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu là: 367.580.039 VND.

Trong đó, Giá gốc của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây tại ngày 01/01/2013 là 3.000.000.000 VND được tăng lên 12.243.750.000 VND (tại ngày 31/12/2013) là do các giao dịch sau:

Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10-2013/NQ-HĐQT ngày 15/11/2013 thông qua kế hoạch mua đầu giá cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà tây, cụ thể :

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

- Tổng số cổ phần đã mua thêm: 512.500 cổ phần;
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần;
- Giá khởi điểm: 14.400 VND/cổ phần;
- Giá khớp lệnh: 14.500 VND/cổ phần;
- Phương thức giao dịch: đấu giá (theo quy chế đấu giá đợt chào bán đấu giá cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây được đăng tải trên website của Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank);
- Tổng giá trị giao dịch: 7.431.250.000 VND.

Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 16-12/2013/HĐCNCP-TCGD ngày 16/12/2013 của bên chuyển nhượng cổ phần là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội với các nội dung cụ thể đã thực hiện như sau:

- Tên cổ phần: Cổ phần Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây;
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần;
- Số lượng cổ phần đã mua thêm: 125.000 cổ phần;
- Giá chuyển nhượng: 14.500 VND/cổ phần;
- Tổng giá trị giao dịch: 1.812.500.000 VND.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	40,24%	40,24%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	812.236.000	-
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(676.863.333)	-
	135.372.667	-
Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:		
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lắp đặt hệ thống văn phòng làm việc	135.372.667	-
	135.372.667	-

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	23.301.269.812	-
Số tăng trong năm	367.580.039	25.190.561.959
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(2.519.056.196)	(1.889.292.147)
	21.149.793.655	23.301.269.812

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	54.425.076.734	40.379.025.896
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội ⁽¹⁾	44.870.370.955	40.379.025.896
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC - CN Hà Nội ⁽²⁾	9.554.705.779	-
	54.425.076.734	40.379.025.896

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

⁽¹⁾Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ TDHM-HEID ngày 03/05/2013 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND;
- Thời hạn duy trì Hạn mức tín dụng đến ngày 20/04/2014;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 9 tháng;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Phương thức cho vay: Theo Hạn mức tín dụng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay là tín chấp.
- Số dư tại 31/12/2013 là: 44.870.370.955 VND.

⁽²⁾Hợp đồng tín dụng số 02/2013/HĐ TDHM-HEID ngày 11/09/2013 giữa bên cho vay là Ngân hàng TNHH MTV HSBC - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 VND, Trong đó: Trong thời gian từ tháng 09 đến tháng 05 hàng năm: Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND; Trong thời gian từ tháng 06 đến tháng 08 hàng năm: Hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 VND;
- Thời hạn duy trì Hạn mức tín dụng đến ngày 29/04/2015;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 180 ngày;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay là thế chấp tài sản: Hàng hóa luân chuyển trong kho (Sách, lịch, thùng carton, giấy...) tại kho hàng ở địa chỉ Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội. Kho hàng nằm trong khuôn viên Công ty CP In sách Giáo khoa tại TP Hà Nội. Tổng giá trị của các Tài sản trong kho tại mọi thời điểm không được thấp hơn 30.000.000.000 VND.
- Số dư tại 31/12/2013 là: 9.554.705.779 VND.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	178.894.555	473.065.552
Thuế thu nhập doanh nghiệp	399.652.187	-
Thuế thu nhập cá nhân	124.739.101	132.729.842
	703.285.843	605.795.394

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	109.783.520	136.709.217
Trích trước chi phí tăng công in	-	124.336.258
Trích trước chi phí tổ chức bán thảo, quản lý xuất bán	773.705.829	2.952.817.500
Trích trước chi phí tăng chiết khấu phát hành	759.900.728	1.175.656.838
Trích trước chi phí vận chuyển	867.614.031	859.512.918
Chi phí phải trả khác	145.000.000	-
	2.656.004.108	5.249.032.731

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	353.727.602	227.270.977
Bảo hiểm y tế	-	10.089.388
Bảo hiểm thất nghiệp	-	4.188.585
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.241.292.089	10.628.403.212
- Phải trả bà Phạm Thị Thu Ngân ⁽¹⁾	-	8.907.000.000
- Phải trả Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí ⁽²⁾	934.682.460	1.721.403.212
- Phải trả, phải nộp khác	306.609.629	-
	1.595.019.691	10.869.952.162

⁽¹⁾ Là khoản tiền ứng trước của Bà Phạm Thị Thu Ngân để thực hiện đồng kinh tế số 01 ngày 25/05/2012 về việc Công ty bán lại các căn hộ tại ngôi nhà chung cư 5 tầng số A2-DDN, phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội cho Bà Phạm Thị Thu Ngân (là các căn hộ Công ty đã ký hợp đồng mua lại từ năm 2007 nhưng chưa thực hiện xong thủ tục sang tên đổi chủ nên chưa hạch toán là TSCĐ của Công ty mà đang theo dõi trên khoản mục Ứng trước cho người bán). Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc bán Bất động sản này cho bà Phạm Thị Thu Ngân (Xem thêm tại Thuyết minh 30).

⁽²⁾ Theo cam kết tại Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công, số 01/2012/HHTC-HĐCNV ngày 04/03/2012 và Biên bản thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí. Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí sẽ phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản công nợ, nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác với các bên thứ 3 phát sinh và có

nguồn gốc phát sinh tại Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công từ ngày 31/03/2012 trở về trước. Do đó, Công ty sẽ theo dõi các khoản công nợ phát sinh từ trước ngày 31/03/2012 trên mã công nợ của Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí.

20. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	10.000.000.000	20.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nội ⁽¹⁾	10.000.000.000	20.000.000.000
	<u>10.000.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến vay dài hạn như sau:

⁽¹⁾Hợp đồng tín dụng số 02-2012/HĐ TDHM-HEID ngày 20/04/2012 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Mua lại 100% vốn của Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công;
- Phương thức áp dụng lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi;
- Tài sản đảm bảo gồm: Tòa nhà K3B Thành Công tại địa chỉ K3B ngõ 6A, phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội thuộc sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công. Giá trị tài sản đảm bảo: 87.959.857.253 VND; Quyền phải thu từ hợp đồng cho thuê văn phòng của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công và toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công, giá trị: 110.000.000.000 VND;
- Số dư tại ngày 31/12/2013: 10.000.000.000 VND.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn CSH		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	-	-	-	(3.401.210.000)	3.921.741.838	8.150.159.024	4.075.079.512	8.756.373.976	171.502.144.390	33.248.543.331	224.500.000	-	(4.585.316.096)	200.389.871.585	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	200.333.050	-	-	-	-	-	-	-	-	31.572.824.927	31.572.824.927	
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	197.117.263	2.445.501.918	1.528.438.699	(4.171.057.880)	-	-	-	-	(18.939.180.000)	(18.939.180.000)	
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	24.166.950	24.166.950	(3.200.876.950)	4.118.859.101	10.595.660.942	5.603.518.211	33.248.543.331	200.389.871.585							
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	31.572.824.927	31.572.824.927	
Trả cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(18.939.180.000)	(18.939.180.000)	
Tạm ứng cổ tức năm 2013 cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam ⁽¹⁾	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(8.389.800.000)	(8.389.800.000)	
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	2.943.969.899	3.126.164.272	1.563.082.136	(7.633.216.307)	-	-	-	-	(4.689.246.408)	(4.689.246.408)	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối kỳ này	150.000.000.000	24.166.950	24.166.950	(3.200.876.950)	7.062.829.000	13.731.825.214	7.166.600.347	25.169.925.543	199.944.470.104							

⁽¹⁾ Căn cứ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 12-2013/NQ-HĐQT ngày 12/12/2013, Công ty đã thực hiện tạm ứng trước cổ tức cho Công ty TNHH Một Thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo tỷ lệ 15% cổ phiếu, tương đương số tiền 8.389.800.000 VND.

Việc phân phối lợi nhuận trong năm được thực hiện căn cứ theo các Nghị Quyết sau:

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 04-2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2013 đã thông qua kết quả kinh doanh sau thuế năm 2012 của Công ty mẹ là 31.261.642.715 VND, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận theo nghị quyết này như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế Công ty mẹ (đã được thông qua)		31.261.642.715
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	10%	3.126.164.272
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	15%	4.689.246.408
Trích bổ sung vốn điều lệ	5%	1.563.082.136
Chi trả cổ tức	13%/Cổ phần	18.939.180.000
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận còn lại	2.943.969.899

Riêng đối với khoản Lợi nhuận sau thuế năm 2012 được Công ty điều chỉnh hồi tố tăng thêm là 3.876.192.763 VND (do điều chỉnh mức thuế suất thuế TNDN đối với hoạt động xuất bán phẩm từ 25% xuống 10%) sẽ được phân phối sau khi Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2014 được thông qua.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	55.932.000.000	37,29%	53.390.000.000	35,59%
Vốn góp của đối tượng khác	89.754.000.000	59,84%	92.296.000.000	61,53%
Cổ phiếu quỹ	4.314.000.000	2,88%	4.314.000.000	2,88%
Cộng	150.000.000.000	100,00%	150.000.000.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>150.000.000.000</i>	<i>150.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>150.000.000.000</i>	<i>150.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	27.328.980.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>18.939.180.000</i>	<i>-</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay</i>	<i>8.389.800.000</i>	<i>-</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	431.400	431.400
- Cổ phiếu phổ thông	431.400	431.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.568.600	14.568.600
- Cổ phiếu phổ thông	14.568.600	14.568.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	7.062.829.000	4.118.859.101
- Quỹ dự phòng tài chính	13.721.825.214	10.595.660.942
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	7.166.600.347	5.603.518.211

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	377.975.971.879	324.567.109.864
- Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ	207.347.558.845	205.816.993.701
- Doanh thu lịch Block	5.847.679.564	6.814.157.913
- Doanh thu sách tham khảo	44.063.722.114	49.860.978.621
- Doanh thu nhượng bán vật tư	71.761.809.064	33.023.354.775
- Doanh thu thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	48.955.202.292	29.051.624.854
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.856.991.363	1.415.514.278
Doanh thu hợp đồng xây dựng	591.677.273	1.048.757.273
	386.424.640.515	327.031.381.415

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	3.902.054.890	3.769.586.800
Hàng bán bị trả lại	965.445.836	954.528.695
	4.867.500.726	4.724.115.495

24. DOANH THU THUÀN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	373.108.471.153	319.842.994.369
- <i>Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	203.708.973.723	203.344.100.475
- <i>Doanh thu lịch Block</i>	5.847.679.564	6.814.157.913
- <i>Doanh thu sách tham khảo</i>	42.849.557.760	47.689.402.201
- <i>Doanh thu nhượng bán vật tư</i>	71.761.809.064	33.023.354.775
- <i>Doanh thu thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác</i>	48.940.451.042	28.971.979.005
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.856.991.363	1.415.514.278
Doanh thu hợp đồng xây dựng	591.677.273	1.048.757.273
	381.557.139.789	322.307.265.920

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	290.931.193.524	234.297.054.173
- <i>Giá vốn sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	154.828.427.087	147.683.505.548
- <i>Giá vốn lịch Block</i>	5.057.443.754	4.991.851.629
- <i>Giá vốn sách tham khảo</i>	24.931.833.532	30.516.060.419
- <i>Giá vốn nhượng bán vật tư</i>	70.154.004.864	30.231.824.929
- <i>Giá vốn thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác</i>	35.959.484.287	20.873.811.648
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.489.791.100	2.624.481.798
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	591.677.273	1.048.757.273
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	108.017.154	(806.834.901)
	295.120.679.051	237.163.458.343

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	353.986.181	1.310.043.016
Cổ tức, lợi nhuận được chia	553.496.600	589.695.500
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	143.663.306	83.162.727
	1.051.146.087	1.982.901.243

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.424.933.333	9.486.279.878
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	2.202.519.586	1.808.034.219
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	169.107.821
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	9.678.158	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	10.721.600	5.203.600
Chi phí tài chính khác	1.762.543	1.130.396
	9.649.615.220	11.469.755.914

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55.987.429	267.654.514
Chi phí nhân công	11.631.277.622	9.840.453.420
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	295.073.587	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	358.627.132	307.838.803
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.321.553.261	6.982.890.327
Chi phí khác bằng tiền	8.959.274.592	4.642.580.739
	28.621.793.623	22.041.417.803

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	979.780.549	270.779.263
Chi phí nhân công	5.573.133.899	4.275.462.208
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	4.181.364	7.968.727
Chi phí khấu hao tài sản cố định	218.841.182	325.434.448
Thuế, phí và lệ phí	231.186.400	155.207.276
Chi phí dự phòng	129.333.825	151.189.357
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.693.795.693	3.266.347.122
Chi phí khác bằng tiền	5.137.573.689	6.799.463.755
Lợi thế thương mại	2.519.056.196	1.889.292.147
	17.486.882.797	17.141.144.303

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.277.511.311	754.756.364
Thu từ bán tòa nhà Nguyễn Khánh Toàn ^[1]	8.907.000.000	-
Thu từ xử lý công nợ	-	19.766.923
Thu nhập khác	14.582.432	67.079.878
	10.199.093.743	841.603.165

^[1] Là thu nhập từ việc bán lại các căn hộ tại ngôi nhà chung cư 5 tầng lô A2-DDN, phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội cho Bà Phạm Thị Thu Ngân theo Hợp đồng kinh tế số 01 ngày 25/05/2012.

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá trị còn lại của Tài sản cố định thanh lý	741.998.396	706.708.800
Các chi phí liên quan thanh lý Tài sản cố định	55.015.874	-
Chi phí bán tòa nhà Nguyễn Khánh Toàn ^[1]	4.500.000.000	-
Phạt hợp đồng, phạt hành chính	66.262.970	215.643.240
Chi phí khác	-	94.995.654
	5.363.277.240	1.017.347.694

^[1] Là Chi phí bằng tiền mà Công ty đã bỏ ra từ năm 2007 để mua Bất động sản là các căn hộ tại ngôi nhà chung cư 5 tầng lô A2-DDN, phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội (trước khi thực hiện bán Bất động sản này, các chi phí này chưa được ghi nhận là Tài sản cố định mà được theo dõi trên khoản mục Trả trước cho người bán do Công ty chưa thực hiện xong thủ tục sang tên đổi chủ).

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	31.650.130.084	36.298.646.271
Các khoản điều chỉnh tăng	191.559.284	651.772.226
Các khoản điều chỉnh giảm	(553.496.600)	(1.923.589.087)
Thu nhập chịu thuế TNDN 10%	31.679.359.107	36.916.121.557
Thu nhập chịu thuế TNDN 25%	2.156.741.796	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành 10%	3.167.935.911	3.691.612.156
Chi phí thuế TNDN hiện hành 25%	539.185.449	-
Thuế TNDN được giảm	-	(1.107.483.647)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.707.121.360	2.584.128.509
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	56.435.000	465.974.431
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(3.453.575.842)	6.517.071.508
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.139.078.732)	(13.020.750.290)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động KD chính	(829.098.214)	(3.453.575.842)
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	4.915.001.604	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.915.001.604	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 25%)	1.228.750.401	-
Các khoản tạm nộp trên số tiền thu trước của HĐKD bất động sản	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm của HĐKD bất động sản	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm của HĐKD bất động sản	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	1.228.750.401	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	399.652.187	(3.453.575.842)

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	31.572.824.927	33.248.543.331
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	31.572.824.927	33.248.543.331
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	14.568.600	14.591.402
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.167	2.279

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	139.702.178.676	129.050.926.780
Chi phí nhân công	17.204.411.521	14.115.915.628
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	299.254.951	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	577.468.314	633.273.251
Thuế, phí và lệ phí	231.186.400	33.277.276
Chi phí dự phòng	129.333.825	151.189.357
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.383.747.697	52.096.620.458
Chi phí khác bằng tiền	14.096.848.281	12.787.915.365
	220.624.429.665	208.869.118.115

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.745.846.170	-	22.723.397.633	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	42.653.295.593	(5.074.654.338)	40.151.536.003	(4.945.320.513)
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(109.786.500)	118.776.400	(99.064.900)
Đầu tư dài hạn	4.750.000.000	-	7.750.000.000	-
Cộng	70.267.918.163	(5.184.440.838)	70.743.710.036	(5.044.385.413)

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	64.425.076.734	60.379.025.896
Phải trả người bán, phải trả khác	26.658.160.268	27.212.860.444
Chi phí phải trả	2.656.004.108	5.249.032.731
Cộng	93.739.241.110	92.840.919.071

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác):

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.745.846.170	-	-	22.745.846.170
Phải thu khách hàng, phải thu khác	37.578.641.255	-	-	37.578.641.255
Đầu tư ngắn hạn	8.989.900	-	-	8.989.900
Đầu tư dài hạn	-	-	4.750.000.000	4.750.000.000
Cộng	60.333.477.325	-	4.750.000.000	65.083.477.325
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.723.397.633	-	-	22.723.397.633
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.206.215.490	-	-	35.206.215.490
Đầu tư ngắn hạn	19.711.500	-	-	19.711.500
Đầu tư dài hạn	-	-	7.750.000.000	7.750.000.000
Cộng	57.949.324.623	-	7.750.000.000	65.699.324.623

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	54.425.076.734	10.000.000.000	-	64.425.076.734
Phải trả người bán, phải trả khác	25.005.651.268	1.652.509.000	-	26.658.160.268
Chi phí phải trả	2.656.004.108	-	-	2.656.004.108
Cộng	82.086.732.110	11.652.509.000	-	93.739.241.110
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	40.379.025.896	20.000.000.000	-	60.379.025.896
Phải trả người bán, phải trả khác	25.990.834.444	1.222.026.000	-	27.212.860.444
Chi phí phải trả	5.249.032.731	-	-	5.249.032.731
Cộng	71.618.893.071	21.222.026.000	-	92.840.919.071

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



36. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu- theo lĩnh vực kinh doanh

	Kinh doanh sách và thiết bị giáo dục	Kinh doanh Bất động sản và xây dựng	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	373.108.471.153	10.353.119.873	(1.904.451.237)	381.557.139.789
Giá vốn hàng bán	291.039.210.678	4.081.468.373	-	295.120.679.051
Lãi gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>82.069.260.475</u>	<u>6.271.651.500</u>	<u>(1.904.451.237)</u>	<u>86.436.460.738</u>
Tổng chi phí mua TSCĐ	1.494.863.727	-	-	1.494.863.727
Tài sản bộ phận	313.957.476.863	103.065.544.421	(138.691.259.443)	278.331.761.841
Tài sản không phân bổ	-	-	-	21.149.793.655
Tổng tài sản	<u>313.957.476.863</u>	<u>103.065.544.421</u>	<u>(138.691.259.443)</u>	<u>299.481.555.496</u>
Nợ phải trả của các bộ phận	109.956.807.680	2.903.957.116	(13.323.679.404)	99.537.085.392
Tổng nợ phải trả	<u>109.956.807.680</u>	<u>2.903.957.116</u>	<u>(13.323.679.404)</u>	<u>99.537.085.392</u>

Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	315.839.462	251.905.656
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGD VN	3.020.389	69.163.191
Nhà xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	Trực thuộc NXBGD VN	-	6.375.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	19.601.477.859	18.534.739.017
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	3.992.548.812	39.806.672.727
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGD VN	30.346.620.867	15.083.035.271
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Trực thuộc NXBGD VN	340.264.800	125.301.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Trực thuộc NXBGD VN	35.399.000	18.382.000
Xuất trả lại vật tư			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	-	38.997.272.727
Trả cổ tức			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	15.330.500.000	-
Lãi vay phải thu trong năm			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	-	592.007.370
Cổ tức được chia			
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	206.250.000	243.750.000
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:			
	Mối quan hệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu vốn cho vay			
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	-	380.098.713
Phải trả			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	-	364.446.642
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGD VN	10.369.168.718	480.251.551
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Trực thuộc NXBGD VN	131.250.000	261.491.100
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Trực thuộc NXBGD VN	-	18.382.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	Trực thuộc NXBGD VN	-	322.916.497

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc, HĐQT và Ban kiểm soát	2.372.273.415	1.511.807.599

39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu của Báo cáo tài chính này đã được điều chỉnh lại do:

- Điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2012 do việc thay đổi mức thuế suất từ 25% xuống 10% đối với hoạt động xuất bản theo hướng dẫn của thông tư 123/2012/BTC-TT ngày 27/07/2012 và theo hướng dẫn tại Công văn số 6833/BTC-CST về thuế TNDN đối với hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản của Bộ Tài chính ngày 29/05/2013;
- Phân loại lại các chi phí đầu tư góp vốn vào Dự án Trung tâm Xuất bản - Phát hành Sách Giáo khoa tại Cầu Giấy - Hà Nội và Dự án Nhà kho tại Đông Anh - Hà Nội với tổng giá trị là 2.023.950.000 VND từ khoản mục các khoản phải thu khác sang khoản mục Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang (Xem thêm tại Thuyết minh 11) cho phù hợp và để có thể so sánh với số liệu năm nay.

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
a/ Bảng Cân đối kế toán			
Các khoản phải thu khác	135	5.401.407.580	7.425.357.580
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	3.689.181.468	235.605.626
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	2.023.950.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	605.795.394	1.028.412.315
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	33.248.543.331	29.372.350.568
b/ Báo cáo Kết quả kinh doanh			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	3.050.102.940	6.926.295.703
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	33.248.543.331	29.372.350.568
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62	33.248.543.331	29.372.350.568



Vũ Bá Khánh
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2014

Dương Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên
 Người lập